

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày 10/01/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thám;
- Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị My M, sinh năm 1997; nơi thường trú: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1991; nơi thường trú: C Đ, Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị My M trình bày: Do quen biết nên từ tháng 4 năm 2024 tôi đã cho ông Đỗ Xuân T vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 24.500.000đ, vay không có lãi, thời hạn vay là 10 ngày. Hết thời hạn vay tôi nhiều lần đòi nhưng anh T không chịu trả mà còn nhắn tin dùng lời lẽ thách thức với tôi. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đỗ Xuân T phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 24.500.000đ.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn anh Đỗ Xuân T thể hiện: Vào tháng 7 năm 2024 anh T nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Thị My M, tên thường gọi là Bé B, tổng cộng số tiền là 24.500.000đ, vay không có lãi, thời hạn vay 01 tháng. Nay anh T đồng ý trả số tiền còn nợ là 24.500.000đ, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M My yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Đỗ Xuân T; nơi thường trú: C Đ, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Đỗ Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Bị đơn anh T thừa nhận năm 2024 anh T có vay của chị M 24.500.000đ, vay không có lãi, thời hạn vay 01 tháng. Do vậy xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Hết thời hạn vay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 24.500.000đ.

[4] Về thời hạn và phương thức trả: Bị đơn yêu cầu kéo dài thời gian trả nợ. Yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận do vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $24.500.000đ \times 5\% = 1.225.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Đỗ Xuân T phải trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị M My số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn anh Đỗ Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.225.000đ (một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị My M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị M My tiền tạm ứng án phí đã nộp là 612.500đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013265 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 10/01/2025. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo